

Số: 1602 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1)
theo phương thức đối tác công tư (PPP)**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) theo phương thức PPP (hợp đồng BOT) số 4276/BC-HĐTĐLN ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thẩm định liên ngành;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 9234/TTr-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) theo phương thức PPP (Hợp đồng BOT),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) theo phương thức đối tác công tư (PPP) (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung sau:

1. Mục tiêu dự án: đáp ứng nhu cầu vận tải, giảm tải và đảm bảo an toàn giao thông trên Quốc lộ 51; hoàn thành và đưa vào khai thác đồng bộ các tuyến đường bộ cao tốc có năng lực lớn, an toàn giao thông và tốc độ cao trên hành lang vận tải Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, phát huy tối đa tiềm năng của Cảng biển Cái Mép - Thị Vải, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng và vùng Đông Nam Bộ nói chung; tạo động lực liên kết, thúc đẩy hợp tác và phát triển vùng Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ; tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ theo quy hoạch; góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án

a) Phạm vi đầu tư: đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu với tổng chiều dài khoảng 53,7km, trong đó: điểm đầu tại Km0+000 kết nối với tuyến tránh Quốc lộ 1 qua thành phố Biên Hòa, thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; điểm cuối tại Km53+700 giao với Quốc lộ 56 thuộc thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cao tốc (TCVN 5729:2012), vận tốc thiết kế: $V_{tk}=100$ Km/h. Quy mô mặt cắt ngang: phân kỳ đầu tư với quy mô mặt cắt ngang từ 4 làn xe đến 6 làn xe theo từng đoạn tuyến như sau:

+ Đoạn từ điểm đầu dự án đến nút giao Long Thành (giao với đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây): quy mô 4 làn xe.

+ Đoạn từ nút giao Long Thành đến nút giao Tân Hiệp (giao với đường cao tốc Bến Lức - Long Thành): quy mô 6 làn xe.

+ Đoạn từ nút giao Tân Hiệp đến điểm cuối dự án: quy mô 4 làn xe.

- Xây dựng các công trình trên tuyến, hệ thống giao thông thông minh, hệ thống thu phí... đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

c) Địa điểm thực hiện: tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: thời gian chuẩn bị đầu tư và thực hiện Dự án từ năm 2021 đến năm 2026.

4. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất và phương án giải phóng mặt bằng: sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 519,64 ha. Giải phóng mặt bằng theo quy mô quy hoạch đã được phê duyệt cho từng đoạn tuyến như sau: từ điểm đầu dự án đến nút giao Long Thành theo quy mô 6 làn xe; từ nút giao Long Thành đến nút giao Tân Hiệp theo quy mô 8 làn xe; từ nút giao Tân Hiệp đến điểm cuối dự án theo quy mô 6 làn xe.

5. Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT).

6. Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án: 19.616 tỷ đồng (mười chín nghìn sáu trăm mười sáu tỷ đồng).

7. Sơ bộ phương án tài chính của dự án

a) Cơ cấu nguồn vốn:

- Phần vốn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm thu xếp (bao gồm hoàn trả chi phí chuẩn bị Dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật PPP): khoảng 12.987 tỷ đồng.

- Phần vốn nhà nước tham gia trong dự án: khoảng 6.629 tỷ đồng.

b) Sử dụng vốn nhà nước trong dự án

- Phần vốn nhà nước chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm: khoảng 6.629 tỷ đồng.

- Chi phí chuẩn bị Dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật PPP: khoảng 91 tỷ đồng. Nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả các chi phí chuẩn bị Dự án đã được sử dụng về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Dự kiến khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ: được xác định theo nguyên tắc xác định cụ thể mức giá khởi điểm và mức giá cho từng thời kỳ bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP, người sử dụng và Nhà nước; tạo điều kiện để nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP thu hồi vốn và có lợi nhuận.

8. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

a) Ưu đãi đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các ưu đãi về thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được hưởng các bảo đảm đầu tư theo

quy định của Luật PPP và pháp luật về đầu tư.

9. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

- Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu của Dự án thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật PPP và Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Nguồn vốn dự kiến sử dụng để chi trả phần giảm doanh thu: từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương.

10. Nhóm dự án: Dự án nhóm A.

11. Tên cơ quan có thẩm quyền: Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải:

- Thực hiện đăng tải thông báo mời khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với Dự án theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án, triển khai thủ tục thẩm định, phê duyệt Dự án theo quy định pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện Dự án theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong bước triển khai tiếp theo, tính toán, chuẩn xác phần vốn nhà nước tham gia trong Dự án, các chi phí chuẩn bị Dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật PPP để làm cơ sở triển khai thực hiện; quy định rõ trong hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư về trách nhiệm của nhà đầu tư được lựa chọn phải hoàn trả các chi phí chuẩn bị Dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật PPP.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, cân đối bố trí nguồn vốn nhà nước trong Dự án để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

- Thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định liên ngành, thực hiện theo dõi, kiểm tra việc tiếp thu, giải trình đối với các nội dung tại Báo cáo kết quả thẩm định số 4276/BC-HĐTĐLN ngày 02 tháng 7 năm 2021 và việc thực hiện chủ trương đầu tư, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ nếu phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả của Dự án.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương khi có phát sinh cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu đối với Dự án theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải chuẩn bị mặt bằng xây dựng để

thực hiện dự án theo quy định tại Điều 56 của Luật PPP, quy định pháp luật về đất đai.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: GTVT, KH&ĐT, TC, XD, TN&MT, QP, CA, Tư Pháp, NN&PTNN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: KTTH, NN, PL, QHĐP, NC, TH;
- Lưu: VT, CN (2) Hà. 11



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Văn Thành